

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ
BIÊN HÒA
BIEN HOA PACKAGING JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 66 /SVI-2017

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2017
Dong Nai, day 14 month 08 year 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*



- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: SVI
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ 7 Street, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
 - Điện thoại/ *Telephone*: 0613.836121
 - Fax: 0613.832939
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Hoàng/ *Nguyen Hoang*
Chức vụ/ *Position*: TBP. Tài chính Kế toán / Finance anh Accounting Manager
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*): Báo cáo tài chính bán niên 2017 đã kiểm toán.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

.....
Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 14/08/2017 tại đường dẫn : [http:// www.sovi.com.vn](http://www.sovi.com.vn) vào mục quan hệ cổ đông

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 14/08/2017 Available at: <http:// www.sovi.com.vn> in Shareholder

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT/
Documents related to the disclosure :
Báo cáo tài chính bán niên 2017 đã
kiểm toán.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



NGUYỄN HOÀNG/ NGUYEN HOANG

TBP. Tài chính Kế toán / Finance anh Accounting Manager

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 30
<u>Phụ lục 1:</u> Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	31

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Trang Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lý Phát	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Điều	Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
Ông Hà Văn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



TRẦN TRANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Số: 18.128/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		579.444.582.521	537.299.201.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	34.911.967.978	42.335.967.916
1. Tiền	111		19.911.967.978	17.335.967.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(4.2)	50.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		307.812.033.351	300.668.540.217
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	290.546.976.544	273.596.211.680
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	14.033.730.457	24.843.643.207
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	3.528.132.973	2.804.319.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.6)	(296.806.623)	(575.634.638)
IV Hàng tồn kho	140		184.428.444.452	142.190.499.493
1. Hàng tồn kho	141	(4.7)	184.428.444.452	142.190.499.493
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.292.136.740	2.104.194.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.12)	2.023.477.790	909.563.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.194.630.798
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.14)	268.658.950	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247.608.867.614	212.680.457.817
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.282.095.000	2.278.576.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	(4.5)	1.282.095.000	2.278.576.000
II. Tài sản cố định	220		199.707.276.269	162.312.217.568
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	188.422.185.836	148.765.120.722
Nguyên giá	222		488.936.205.993	426.636.689.964
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(300.514.020.157)	(277.871.569.242)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(4.9)	10.711.714.489	12.938.891.846
Nguyên giá	225		22.271.773.550	35.235.817.028
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.560.059.061)	(22.296.925.182)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(4.10)	573.375.944	608.205.000
Nguyên giá	228		2.156.334.089	2.080.072.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.582.958.145)	(1.471.867.089)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(4.11)	6.735.958.601	5.455.345.121
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.735.958.601	5.455.345.121
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250			4.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		39.883.537.744	38.634.319.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.12)	37.720.307.216	36.545.774.088
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.163.230.528	2.088.545.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		827.053.450.135	749.979.659.691

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		468.788.581.870	419.688.815.601
I. Nợ ngắn hạn	310		407.386.037.722	378.051.092.828
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.13)	168.986.785.670	132.618.472.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.585.045	14.404.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.14)	5.882.080.200	4.168.332.011
4. Phải trả người lao động	314	(4.15)	19.120.074.476	33.800.516.652
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.16)	6.940.812.316	6.345.063.120
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.17)	1.375.870.636	14.020.132.069
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.18)	197.369.336.680	179.235.878.958
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.19)	7.705.492.699	7.848.292.754
II. Nợ dài hạn	330		61.402.544.148	41.637.722.773
1. Phải trả dài hạn khác	337	(4.17)	140.000.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(4.18)	50.446.391.507	31.194.997.573
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(4.20)	10.816.152.641	10.442.725.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.264.868.265	330.290.844.090
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.21.1)	358.264.868.265	330.290.844.090
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.21.2)	128.324.370.000	128.324.370.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(408.640.209)	(408.640.209)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		77.504.811.113	70.591.340.833
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		152.844.327.361	131.783.773.466
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		131.066.895.977	110.366.895.977
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.777.431.384	21.416.877.489
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		827.053.450.135	749.979.659.691



TRẦN TRĂNG BÌNH
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

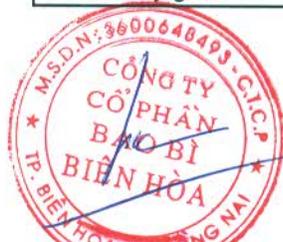
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(4.23)	718.272.927.369	647.126.652.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			11.551.420
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		718.272.927.369	647.115.100.614
4. Giá vốn hàng bán	11	(4.24)	627.055.886.685	564.307.647.207
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.217.040.684	82.807.453.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(4.25)	2.146.589.148	2.452.658.961
7. Chi phí tài chính	22	(4.26)	5.276.736.301	4.777.219.852
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.247.167.240	4.772.175.246
8. Chi phí bán hàng	25	(4.27)	37.469.344.669	31.592.847.731
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(4.28)	8.267.788.456	8.510.766.282
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.349.760.406	40.379.278.503
11. Thu nhập khác	31	(4.29)	1.857.099.666	909.154.508
12. Chi phí khác	32		906.752.601	600.565.162
13. Lợi nhuận khác	40		950.347.065	308.589.346
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.300.107.471	40.687.867.849
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(4.31)	8.807.441.557	8.418.336.057
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(74.685.488)	(182.063.354)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.567.351.402	32.451.595.146
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(4.21.4)	2.240	2.103
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(4.21.4)	2.240	2.103

**TRẦN TRĂNG BÌNH**

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG

Trưởng BP. Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.300.107.471	40.687.867.849
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(4.30)	12.646.051.083	17.983.318.910
Các khoản dự phòng	03		303.927.777	799.529.609
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.26)	8.498.230	(23.296.893)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.156.909.158)	(2.117.062.807)
Chi phí lãi vay	06	(4.26)	5.247.167.240	4.772.175.246
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		59.348.842.643	62.102.531.914
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.370.937.526)	37.834.772.019
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.237.944.959)	(8.484.313.570)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.205.068.317	(38.045.306.132)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.288.447.468)	(2.388.532.326)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.088.665.614)	(4.879.041.889)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.583.577.901)	(5.715.512.081)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.559.526.601)	(12.466.903.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.424.810.891	27.957.694.359
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.166.038.847)	(10.488.977.662)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		117.727.273	
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.000.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		546.612.445	2.282.526.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.501.699.129)	(8.206.450.685)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(4.32)	430.969.215.582	359.200.109.993
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.33)	(389.707.405.273)	(363.275.697.094)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.804.981.360)	(3.585.256.162)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.808.137.000)	(12.808.137.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.648.691.949	(20.468.980.263)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(7.428.196.289)	(717.736.589)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		42.335.967.916	119.668.750.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.196.351	4.805.714
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	(4.1)	34.911.967.978	118.955.819.152

**TRẦN TRANG BÌNH**
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 04 năm 2016.

Ngày 12 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	54%	68.803.930.000	54%
Đối tượng khác	59.520.440.000	46%	59.520.440.000	46%
Cộng	128.324.370.000	100%	128.324.370.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 790 (31/12/2016: 771).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	119.786.310	53.687.006
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.792.181.668	17.282.280.910
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	<u>34.911.967.978</u>	<u>42.335.967.916</u>

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Liên doanh Unilever Việt Nam	61.926.659.211	70.956.595.497
Các khách hàng khác	228.521.317.333	201.194.518.705
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 4.35	99.000.000	1.445.097.478
Cộng	<u>290.546.976.544</u>	<u>273.596.211.680</u>

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/06/2017 là 90.000.000.000 VND và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 4.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu tư & Phát triển VRG Long Thành	9.865.482.000	9.865.482.000
Công ty Rieck Mann	1.451.393.820	-
Công ty Zhuzhou Sinovan Packaging Technology	-	7.869.562.500
Công ty Guangdong Dongfang Precision Science & Technology	-	4.648.065.000
Trả trước người bán khác	2.716.854.637	2.460.533.707
Cộng	<u>14.033.730.457</u>	<u>24.843.643.207</u>

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	332.730.000	-	285.900.000	-
Thuế giá trị gia tăng máy in 3 màu thuê tài chính	698.807.643	-	1.043.627.225	-
Dự thu lãi tiền gửi	2.489.958.330	-	997.388.890	-
Thu bồi hoàn giấy ướt - Công ty Bảo Minh Đồng Nai	-	-	474.201.853	-
Phải thu khác	6.637.000	-	3.202.000	-
Cộng	<u>3.528.132.973</u>	<u>-</u>	<u>2.804.319.968</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký quỹ thuê tài sản thuê tài chính	1.180.070.000	-	2.266.476.000	-
Ký quỹ khác	102.025.000	-	12.100.000	-
Cộng	<u>1.282.095.000</u>	<u>-</u>	<u>2.278.576.000</u>	<u>-</u>

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	647.269.924	350.463.301	874.207.662	298.573.024

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Nguyễn Quang Huy	106.734.160	32.020.248	Từ 2 -3 năm	106.734.160	36.867.948	Trên 1 năm
Công ty Mercury	115.463.400	51.636.748	Từ 2 - 3 năm	115.463.400	57.731.700	Trên 1 năm
Công ty Mỹ Đức	-	-		308.698.350	42.049.075	Trên 2 năm
Coca-Cola Việt Nam	-	-		225.886.513	139.872.879	Trên 1 năm
Các khách hàng khác	425.072.364	266.806.305	Trên 1 năm	117.425.239	22.051.422	Trên 1 năm
Cộng	647.269.924	350.463.301		874.207.662	298.573.024	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	2.282.264.788	-	5.452.797.164	-
Nguyên liệu, vật liệu	164.296.928.775	-	122.887.538.166	-
Công cụ, dụng cụ	606.200.821	-	276.681.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.461.474.969	-	3.728.750.986	-
Thành phẩm	11.781.575.099	-	9.844.732.051	-
Cộng	184.428.444.452	-	142.190.499.493	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/06/2017 là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 4.18.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	133.090.403.923	275.036.313.420	11.139.336.997	6.896.939.806	473.695.818	426.636.689.964
Mua trong kỳ	-	48.823.117.784	1.141.730.000	-	-	49.964.847.784
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	12.964.043.478	-	-	-	12.964.043.478
Thanh lý, nhượng bán	-	(355.362.214)	(219.047.619)	(54.965.400)	-	(629.375.233)
Tại ngày 30/06/2017	<u>133.090.403.923</u>	<u>336.468.112.468</u>	<u>12.062.019.378</u>	<u>6.841.974.406</u>	<u>473.695.818</u>	<u>488.936.205.993</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	42.822.097.884	219.478.906.451	8.481.649.299	6.630.657.288	458.258.320	277.871.569.242
Khấu hao trong kỳ	2.668.873.076	7.167.743.735	413.671.578	53.431.781	4.062.500	10.307.782.670
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	12.964.043.478	-	-	-	12.964.043.478
Thanh lý, nhượng bán	-	(355.362.214)	(219.047.619)	(54.965.400)	-	(629.375.233)
Tại ngày 30/06/2017	<u>45.490.970.960</u>	<u>239.255.331.450</u>	<u>8.676.273.258</u>	<u>6.629.123.669</u>	<u>462.320.820</u>	<u>300.514.020.157</u>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	90.268.306.039	55.557.406.969	2.657.687.698	266.282.518	15.437.498	148.765.120.722
Tại ngày 30/06/2017	<u>87.599.432.963</u>	<u>97.212.781.018</u>	<u>3.385.746.120</u>	<u>212.850.737</u>	<u>11.374.998</u>	<u>188.422.185.836</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2017 dùng để thế chấp cho các khoản vay là 131.068.751.577 VND - Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 237.322.435.431 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2017	35.235.817.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.964.043.478)
Tại ngày 30/06/2017	22.271.773.550
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2017	22.296.925.182
Khấu hao trong kỳ	2.227.177.357
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.964.043.478)
Tại ngày 30/06/2017	11.560.059.061
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2017	12.938.891.846
Tại ngày 30/06/2017	10.711.714.489

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	232.020.000	1.792.384.200	55.667.889	2.080.072.089
Mua trong kỳ	-	31.262.000	45.000.000	76.262.000
Tại ngày 30/06/2017	232.020.000	1.823.646.200	100.667.889	2.156.334.089
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Khấu hao trong kỳ	-	104.841.056	6.250.000	111.091.056
Tại ngày 30/06/2017	232.020.000	1.289.020.256	61.917.889	1.582.958.145
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	-	608.205.000	-	608.205.000
Tại ngày 30/06/2017	-	534.625.944	38.750.000	573.375.944

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.366.366.089 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Tài sản dở dang dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất giấy 2 lớp	3.995.409.309	-
Chi phí đầu tư phần mềm ERP ngành sản xuất bao bì giấy	2.272.839.292	2.258.219.258
Chi phí đầu tư cụm tạo sóng A khổ giấy 2m	-	2.729.415.863
Chi phí khác	467.710.000	467.710.000
Cộng	<u>6.735.958.601</u>	<u>5.455.345.121</u>

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hộ lao động	777.990.000	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	501.672.870	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	149.221.498	410.929.165
Công cụ dụng cụ xuất dùng	198.845.875	224.225.771
Chi phí thuê đất và phí hạ tầng	111.943.128	-
Chi phí quảng cáo	90.909.091	181.818.182
Các khoản khác	192.895.328	92.590.332
Cộng	<u>2.023.477.790</u>	<u>909.563.450</u>
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	33.243.690.151	33.675.426.385
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	3.324.956.775	1.656.292.988
Công cụ dụng cụ xuất dùng	715.408.705	605.208.405
Bản quyền phần mềm Microsoft	402.501.585	563.846.310
Các khoản khác	33.750.000	45.000.000
Cộng	<u>37.720.307.216</u>	<u>36.545.774.088</u>

Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	45.315.055.830	45.315.055.830	42.127.322.105	42.127.322.105
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	40.161.096.470	40.161.096.470	34.347.278.295	34.347.278.295
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	29.579.135.190	29.579.135.190	15.032.861.140	15.032.861.140
Phải trả cho các người bán khác	53.931.498.180	53.931.498.180	41.111.010.810	41.111.010.810
Cộng	168.986.785.670	168.986.785.670	132.618.472.350	132.618.472.350

4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017	Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	606.796.903	4.019.210.346	(3.974.921.324)	-	651.085.925
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.608.008.628	(2.608.008.628)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.395.103.625	8.807.441.557	(6.583.577.901)	-	4.618.967.281
Thuế thu nhập cá nhân	1.166.431.483	5.959.022.880	(6.782.086.319)	268.658.950	612.026.994
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	4.168.332.011	21.397.683.411	(19.952.594.172)	268.658.950	5.882.080.200

4.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí vận chuyển	4.860.349.424	3.567.875.725
Chi phí gia công	400.000.000	231.239.455
Chi phí lãi vay	777.061.336	416.204.970
Chi phí thuế thu nhập cá nhân	732.910.356	800.034.529
Chi phí tiền ăn	459.072.000	510.261.000
Các khoản trích trước khác	(288.580.800)	819.447.441
Cộng	<u>6.940.812.316</u>	<u>6.345.063.120</u>

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	86.969.471	11.017.666
Bảo hiểm xã hội	680.391.340	652.515.804
Bảo hiểm y tế	113.425.155	106.750.524
Bảo hiểm thất nghiệp	50.411.180	47.029.378
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	240.387.028	372.156.697
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.35	-	6.880.393.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các đối tượng khác	-	5.927.744.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	204.286.462	22.525.000
Cộng	<u>1.375.870.636</u>	<u>14.020.132.069</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	140.000.000	-
Cộng	<u>140.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/06/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	164.317.892.039	164.317.892.039	403.097.571.582	(385.581.498.414)	181.833.965.207	181.833.965.207
Vay dài hạn đến hạn trả	8.453.644.380	8.453.644.380	5.845.312.523	(4.197.884.152)	10.101.072.751	10.101.072.751
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.464.342.539	6.464.342.539	2.774.937.543	(3.804.981.360)	5.434.298.722	5.434.298.722
Cộng	179.235.878.958	179.235.878.958	411.717.821.648	(393.584.363.926)	197.369.336.680	197.369.336.680
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	27.038.802.515	27.038.802.515	27.871.644.000	(5.845.312.523)	49.065.133.992	49.065.133.992
Nợ thuê tài chính	4.156.195.058	4.156.195.058	-	(2.774.937.543)	1.381.257.515	1.381.257.515
Cộng	31.194.997.573	31.194.997.573	27.871.644.000	(8.620.250.066)	50.446.391.507	50.446.391.507
Tổng cộng	210.430.876.531	210.430.876.531	439.589.465.648	(402.204.613.992)	247.815.728.187	247.815.728.187

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc 30/06/2017	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc 30/06/2016
Từ 1 năm trở xuống	5.566.015.334	131.716.612	5.434.298.722	7.857.996.215	463.387.431	7.394.608.784
Trên 1 năm đến 5 năm	1.402.779.908	21.522.393	1.381.257.515	7.150.212.764	153.239.006	6.996.973.758
Cộng	<u>6.968.795.242</u>	<u>153.239.005</u>	<u>6.815.556.237</u>	<u>15.008.208.979</u>	<u>616.626.437</u>	<u>14.391.582.542</u>

Vay ngắn hạn ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,53%/năm đến 5,30%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 90.000.000.000 VND và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 4.3.
- Giá trị hàng tồn kho là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 4.7.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 59.166.206.743 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 10.101.072.751 VND.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định là 131.068.751.577 VND - Xem thêm mục 4.8.
- Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 4.12.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gập dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 6.815.556.237 VND, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 5.434.298.722 VND - Xem thêm mục 4.37.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Số dư đầu kỳ	7.848.292.754	9.447.714.224
Trích lập trong kỳ	5.901.980.199	5.561.546.639
Sử dụng trong kỳ	(6.044.780.254)	(12.048.523.576)
Số dư cuối kỳ	<u>7.705.492.699</u>	<u>2.960.737.287</u>

4.20. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất phải trả thêm cho Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với đơn vị này.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	55.660.181.630	110.822.993.972	294.398.905.393
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	32.451.595.146	32.451.595.146
Tạm trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.490.319.029	(6.490.319.029)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.561.546.639)	(5.561.546.639)
Tạm trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(649.031.903)	(649.031.903)
Tặng khác	-	-	-	237.709.372	237.709.372
Tại ngày 30/06/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	62.150.500.659	130.811.400.919	320.877.631.369
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	42.204.200.868	42.204.200.868
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	8.440.840.174	(8.440.840.174)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.330.630.130)	(6.330.630.130)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(844.084.017)	(844.084.017)
Chia cổ tức	-	-	-	(25.853.983.372)	(25.853.983.372)
Tặng khác	-	-	-	237.709.372	237.709.372
Tại ngày 01/01/2017	128.324.370.000	(408.640.209)	70.591.340.833	131.783.773.466	330.290.844.090

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	128.324.370.000	(408.640.209)	70.591.340.833	131.783.773.466	330.290.844.090
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	34.567.351.402	34.567.351.402
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.913.470.280	(6.913.470.280)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.901.980.199)	(5.901.980.199)
Tạm trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(691.347.028)	(691.347.028)
Tại ngày 30/06/2017	128.324.370.000	(408.640.209)	77.504.811.113	152.844.327.361	358.264.868.265

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	68.803.930.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59.520.440.000	59.520.440.000
Cộng	<u>128.324.370.000</u>	<u>128.324.370.000</u>

4.21.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	24.300	24.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.808.137	12.808.137

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.567.351.402	32.451.595.146
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.185.102.710)	(4.867.739.272)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(691.347.028)	(649.031.903)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>28.690.901.664</u>	<u>26.934.823.971</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.808.137	12.808.137
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.240</u>	<u>2.103</u>

4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.023,82	10.614,39
EUR	300,06	300,00

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý: Công ty Mỹ Đức	308.698.350	-
4.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán sản phẩm Carton	604.829.255.762	557.640.847.617
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	84.551.613.911	69.458.634.592
Doanh thu bán hàng khác	24.614.438.046	16.768.553.395
Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.35	4.277.619.650	3.258.616.430
Cộng	<u>718.272.927.369</u>	<u>647.126.652.034</u>
4.24. Giá vốn hàng bán		
Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán trong kỳ.		
4.25. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.039.181.885	2.117.062.807
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.407.263	312.299.261
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	23.296.893
Cộng	<u>2.146.589.148</u>	<u>2.452.658.961</u>
4.26. Chi phí tài chính		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay ngân hàng	5.247.167.240	4.772.175.246
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.070.831	5.044.606
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.498.230	-
Cộng	<u>5.276.736.301</u>	<u>4.777.219.852</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	17.837.060.363	16.791.616.859
Chi phí vận chuyển	19.261.314.004	14.362.068.516
Chi phí khác	370.970.302	439.162.356
Cộng	<u>37.469.344.669</u>	<u>31.592.847.731</u>

4.28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.977.411.434	5.570.420.677
Chi phí vật liệu quản lý	83.069.182	64.859.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	225.968.667	277.123.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.483.754	149.585.441
Thuế, phí, lệ phí	97.181.362	84.611.405
Chi phí dự phòng	(12.178.740)	(110.787.163)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.072.070	423.605.813
Chi phí bằng tiền khác	2.260.780.727	2.051.347.370
<i>Chi phí bảo hộ lao động</i>	210.000.000	210.000.000
<i>Chi phí tiền ăn</i>	75.050.500	111.288.000
<i>Phí ngân hàng</i>	253.167.449	546.250.247
<i>Chi phí khác</i>	1.722.562.778	1.183.809.123
Cộng	<u>8.267.788.456</u>	<u>8.510.766.282</u>

4.29. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	117.727.273	-
Thu từ bán phế liệu	157.360.100	131.085.442
Thu cho thuê nhà xưởng	140.000.000	-
Thu bồi thường	25.828.636	168.490.491
Thu nhập khác	1.416.183.657	609.578.575
Cộng	<u>1.857.099.666</u>	<u>909.154.508</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	544.568.041.564	475.248.741.858
Chi phí nhân công	72.579.862.377	69.751.188.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.646.051.083	17.983.318.910
Chi phí dự phòng	(12.178.740)	(110.787.163)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.177.814.582	29.870.084.448
Chi phí bằng tiền khác	10.502.995.975	13.453.672.186
Cộng	<u>676.462.586.841</u>	<u>606.196.219.206</u>

4.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.807.441.557	8.418.336.057
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>8.807.441.557</u>	<u>8.418.336.057</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	43.300.107.471	40.687.867.849
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	741.625.239	1.403.812.434
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.524.927)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	44.037.207.783	42.091.680.283
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.807.441.557	8.418.336.057
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<u>8.807.441.557</u>	<u>8.418.336.057</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ theo quy định của Luật thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.32. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	430.969.215.582	359.200.109.993

4.33. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(389.707.405.273)	(363.275.697.094)

4.34. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động của Công ty hoàn toàn là sản xuất giấy; bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty, không có sự khác biệt đáng kể về môi trường kinh tế mà có thể ảnh hưởng đến rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý; cũng như chi nhánh nêu trên chưa đủ điều kiện để thuyết minh là một báo cáo bộ phận riêng biệt theo Chuẩn mực số 28 "Báo cáo bộ phận".

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

4.35. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
2. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 4.3	99.000.000	1.445.097.478
Phải trả:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 4.17	-	(6.880.393.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 4.23	4.277.619.650	3.258.616.430

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập của nhân sự quản lý chủ chốt	2.065.851.984	2.443.573.197

4.36. Thu nhập Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	356.003.822	330.696.118

4.37. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gập dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Từ 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 4.18	6.815.556.237	10.620.537.597

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Ngắn hạn	5.434.298.722	6.464.342.539
Dài hạn	1.381.257.515	4.156.195.058
Cộng	<u>6.815.556.237</u>	<u>10.620.537.597</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.38. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



TRẦN TRANG BÌNH
Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Phu lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 30/06/2017

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>VND</u>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	61.926.659.211
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	27.628.338.300
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	12.940.990.612
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	11.829.588.386
Công ty Pepsico Việt Nam	11.716.010.620
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	8.095.395.000
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	7.827.630.011
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	7.022.703.255
Khác	141.559.661.149
Cộng	<u>290.546.976.544</u>

2. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>VND</u>
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	45.315.055.830
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	40.161.096.470
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	29.579.135.190
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	11.338.929.250
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	8.274.984.525
Khác	34.317.584.405
Cộng	<u>168.986.785.670</u>